

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: **NGUYỄN ĐỨC VINH**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 19/09/1987
4. Nơi sinh: Quang Trung, Vụ Bản, Nam Định
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 235 Mạc Thị Bưởi, Quang Trung, TP Nam Định, Nam Định.
7. Chứng minh thư nhân dân số 036087012631; Nơi cấp: cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Ngày cấp: 21/4/2021.
8. Điện thoại liên hệ: 0915.246129
9. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế.
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng.
11. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
12. Quá trình công tác:

Thời gian (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
8/2009 - 9/2015	Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc	Chuyên viên
9/2015 - 4/2016	Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc	Phó trưởng phòng
4/2016 - 8/2016	Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc	Phó trưởng phòng phụ trách
8/2016- 3/2018	Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc	Trưởng phòng
01/4/2018	Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc	Kế toán trưởng

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 3.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02 % Vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Không có.

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có.

- Những thay đổi trong ban điều hành (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm): không có

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Công ty đã ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương theo hướng dẫn của TKV; Quy chế tiền lương, Quy chế thi đua khen thưởng, Quy chế quản lý quỹ thi đua khen thưởng trong toàn Công ty.

Lao động có mặt theo danh sách:

Lao động đầu kỳ 01/01/2021: 638 người

Lao động cuối kỳ 31/12/2021: 601 người

Lao động đã tiết giảm: 37 người

Thu nhập tiền lương bình quân toàn Công ty 18.662.778 đồng, bằng 100% kế hoạch năm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết):

Kế hoạch đầu tư năm 2022 được thực hiện theo nội dung văn bản số 6155/TKV-ĐT ngày 30/12/2021 của Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam v/v thông báo kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2022 và văn bản bổ sung số 4572/TKV-ĐT ngày 06/10/2022 của TKV v/v thông báo kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2022 điều chỉnh – Công ty CPKD than Miền Bắc – Vinacomin; Quyết định số 1483/QĐ-TMB ngày 10/10/2022 của HĐQT Công ty v/v phê duyệt KHĐT năm 2022 điều chỉnh (theo nội dung văn bản số 4572/TKV-ĐT ngày 06/10/2021 của TKV v/v thông báo kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2022 điều chỉnh – Công ty CPKD than Miền Bắc – Vinacomin)

Công tác thực hiện KHĐT năm 2022:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Danh mục đầu tư	Nguồn vốn theo KHĐT 2022 điều chỉnh		KHĐT năm 2022 điều chỉnh lần cuối	Thực hiện năm 2022 (Đã giải ngân bao gồm VAT)	Tỷ lệ % (Thực hiện so với kế hoạch)
	Vốn chủ sở hữu	Vay thương mại			
Kế hoạch đầu tư năm 2022	7.851	0	7.851	7.658	98 %
Công trình chuyển tiếp	6.288	0	6.288	6.224	
Công trình khởi công mới	1.113	0	1.113	1.110	
Chuẩn bị dự án	450	0	450	324	
Dự phòng		0			

- Kế hoạch cả năm 2022 được TKV thông qua gồm: 08 dự án, trong đó: 04 dự án chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2021, 01 dự án khởi công mới và 03 dự án chuẩn bị dự án.

- Dự án chuyển tiếp:

+ Cải tạo, nâng cấp văn phòng làm việc Xí nghiệp KD than Cầu Đuống;
+ Nâng cấp nền kho và lắp đặt hệ thống phun sương tại Đa Phúc - Công ty KD than Bắc Thái;

+ Cải tạo, nâng cấp mố cảng và trạm biến áp tại kho Như Nguyệt - Công ty KD than Hà Bắc;

+ Mua máy photocopy cho các đơn vị trực thuộc Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin.

- Dự án khởi công mới:

+ Cải tạo, nâng cấp Trạm chế biến và kinh doanh than Hòn Gai – Chi nhánh Quảng Ninh;

- Chuẩn bị dự án:

Dự án nhóm B: Xây dựng kho bãi chứa than tại Thái Bình;

Dự án nhóm C:

+ Dự án đầu tư xây dựng bến bốc hàng hóa, kè bảo vệ bờ và hệ thống rửa xe, lưới chắn bụi kho cảng Khánh Phú- Công ty KD than Ninh Bình;

+ Trang bị điều hòa tại các phòng làm việc – Xí nghiệp kinh doanh than Cầu Đuống

Đã hoàn thành nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và quyết toán vốn đầu tư hoàn thành 06 dự án:

- Mua máy photocopy cho các đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin.
- Cải tạo nâng cấp văn phòng làm việc Xí nghiệp KD than Cầu Đuống.
- Nâng cấp nền kho và lắp đặt hệ thống phun sương tại Đa Phúc – Công ty KD than Bắc Thái.
- Cải tạo, nâng cấp mố cảng và trạm biến áp tại kho Như Nguyệt - Công ty KD than Hà Bắc
- Cải tạo, nâng cấp trạm chế biến và kinh doanh than Hòn Gai – Chi nhánh Quảng Ninh.
- Trang bị điều hòa tại các phòng làm việc – Xí nghiệp kinh doanh than Cầu Đuống

Công ty CP KD than Miền Bắc-Vinacomin thực hiện đầu tư năm 2022 dựa trên các cơ sở sau:

- Kế hoạch đầu tư năm 2022 và KHĐT 2022 điều chỉnh của Hội đồng quản trị Công ty.
- Quyết định phê duyệt Báo cáo đầu tư/Báo cáo KTKT của Công ty CP KD than Miền Bắc-Vinacomin cho từng công trình, hạng mục công trình.
- Tổ chức lựa chọn nhà thầu (Mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu,...), thực hiện các giai đoạn của quá trình đầu tư do Phòng Đầu tư và Vật tư phối hợp cùng các đơn vị trực thuộc có dự án/công trình thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.
- Hợp đồng kinh tế giữa Chủ đầu tư và các nhà thầu.
- Các hồ sơ, tài liệu do nhà thầu cung cấp như nhật ký công trình, bản vẽ hoàn công....
- Quyết toán công trình được kiểm toán độc lập thẩm tra trước khi phê duyệt.

Toàn bộ hồ sơ đầu tư của Công ty CP KD than Miền Bắc đều trên cơ sở văn bản pháp luật của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng, quản lý tài chính, bảo vệ môi trường và Quy chế quản lý đầu tư xây dựng của Công ty CPKD than Miền Bắc-Vinacomin ban hành theo Quyết định số 184/QĐ-TMB ngày 31/01/2019 của Hội đồng quản trị Công ty.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year 2021	Năm/Year 2022	% tăng giảm/ % change
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial</i>			

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 5 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

<i>institutions:</i>			123%
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	1.017.002.948.632	2.268.814.172.508	125%
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	11.028.902.229.337	24.839.013.750.432	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	84.463.516.063	217.247.080.776	157%
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	(175.353.902)	26.594.902.127	0%
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	84.288.162.161	243.841.982.903	189%
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	66.047.649.261	194.715.276.139	195%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i>	15%	10%	-30%
* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>			
Doanh thu/ <i>Revenue</i>			
Thuế và các khoản phải nộp/ <i>Taxes and payables</i>			
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Before tax profit</i>			
Lợi nhuận sau thuế/ <i>After tax profit</i>			

- Các chỉ tiêu khác/ *other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/*depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/*Major financial benchmarks*:

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year 2021	Năm/Year 2022	Ghi chú/ <i>Note</i>
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i> + Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> : Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term</i>	1,26	1,20	

<i>debt)</i> + Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i> : <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u>Short term Asset - Inventories</u> Short term Debt	0,22	0,10	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i> + Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>) + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)	0,71 3,74	0,80 8,56	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ <i>Operation capability Ratio</i> + Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i> : Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>) Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/ Total Assets</i>)	9,79 10,84	13,32 10,95	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ <i>Target on Profitability</i> + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>) + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>) + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>) + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)	0,60% 34,04% 6,49% 0,77%	0,78% 91,69% 8,58% 0,87%	

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/*For credit institutions and non-bank financial institutions*:

Chỉ tiêu/Figures	Năm/Year X-1	Năm/Year X	Ghi chú/Note
<i>1. Quy mô vốn/ Capital scale</i>			
- Vốn điều lệ/ Charter Capital			
- Tổng tài sản có/ Total assets			
- Tỷ lệ an toàn vốn/ Capital adequacy ratio			
<i>2. Kết quả hoạt động kinh doanh/ Operating results</i>			
- Doanh số huy động tiền gửi/ Cash deposits			
- Doanh số cho vay/ Lendings			
- Doanh số thu nợ/ Debt collection			
- Nợ quá hạn/ Outstanding debts			
- Nợ khó đòi/ Bad debt			
- Hệ số sử dụng vốn/ Incremental Capital Output Ratio			
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh (Overdue outstanding underwritten debt/ Total outstanding debt Ratio)			
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ (Overdue outstanding debts/ Total debt Ratio)			
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ (Bad debt/ Total debt Ratio)			
<i>3. Khả năng thanh khoản/ Solvency</i>			
- Khả năng thanh toán ngay/ Short term solvency			
- Khả năng thanh toán chung/ General solvency			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.

a) Cổ phần/Shares: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy

định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/*Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.*

- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 15.000.000 cổ phần

- Loại cổ phần đang lưu hành: Phổ thông

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure*: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/*Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders).*

- Cổ đông Tập đoàn Công nghiệp than – khoáng sản Việt Nam: 67,44%

- Cổ đông cá nhân trong nước: 32,56%

- Cổ đông nước ngoài: Không

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./ *Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*

- Công ty không thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2022.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ *Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties*

- Công ty hiện tại không có cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/*Specify other securities issuance conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including*

Company's staffs and managers) related to the securities issuance.

- Công ty hiện tại không có các chứng khoán khác.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Report related impact of the Company on the environment and society

- Công ty là đơn vị kinh doanh than trên địa bàn các tỉnh phía Bắc, các kho than hầu hết là nhỏ, có sức chứa trung bình 5.000 tấn, nằm rải rác chủ yếu gần các bên sông, xa khu dân cư nên tác động môi trường chủ yếu là bụi bay vào không khí không lớn.

- Công ty là đơn vị kinh doanh than, số lượng người ở các chi nhánh tại các Tỉnh nhỏ hơn 90 người, nằm rải rác, nên tác động xã hội không lớn.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

- Công ty là đơn vị kinh doanh than, không tiến hành sản xuất, sản phẩm không phải đóng gói.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

- Công ty không có nguyên vật liệu được tái chế.

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ Energy consumption:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly.*

- Công ty là đơn vị kinh doanh than, nên mức tiêu thụ năng lượng thấp, tổng mức điện tiêu thụ trong năm vào khoảng 1.100.000KW.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

- Công ty không có.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

- Công ty không có.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ Water consumption (water consumption of business activities in the year)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

- Công ty là đơn vị kinh doanh than, nên lượng nước chủ yếu dùng cho sinh hoạt,

tiêu thụ ít. Nguồn nước tiêu thụ chủ yếu là nước máy, lượng tiêu thụ trong năm khoảng 5.000m³.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

- Công ty không có.

6.4. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

- Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

- Không có.

6.5. *Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

- Số lao động 601 người.

- Tiền lương bình quân: 18.662.778 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

- Người lao động hàng năm được khám sức khỏe định kỳ một lần.

- Những lao động trực tiếp được trang bị bảo hộ lao động theo quy định của luật lao động.

- Người lao động được cấp đồng phục.

- Hàng năm người lao động được đi nghỉ mát, du lịch một lần.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

Hàng năm Công ty cử lao động đi đào tạo nâng cao nghiệp vụ theo chương trình của Tập đoàn TKV tổ chức, mỗi năm trung bình khoảng 6 khóa, mỗi khóa 3 ngày, mỗi khóa cử đi 3 người.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

Công ty chưa có chương trình này, người lao động tự học tập là chính.

6.6. *Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on*

responsibility for local community.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

Các hoạt động này Công ty chưa có.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ *Green capital market activities under the guidance of the SSC.*

Các hoạt động này Công ty chưa có.

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/ *(As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Report and assessment of the Board of Management* (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/ *the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company*)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/ *The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Assessment of operating results*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ *General analysis of company's operations against the targets and previous operating results. In case the operating results do not meet targets, clearly state the reasons and responsibilities of the Board of Directors for such results (if any).*

- Công ty đã tổ chức thực hiện nghiêm túc kỷ luật điều hành của TKV, quản lý chặt chẽ hàng hóa từ khâu nhận than tại đầu nguồn, trên đường vận chuyển đến bốc xếp nhập kho, không để xảy ra tình trạng vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dỡ hàng khác so với địa điểm ghi trên hóa đơn bán hàng. Bám sát kế hoạch điều hành tiêu thụ hàng tháng, đẩy mạnh công tác pha trộn than giao lại TKV và than nhập về chế biến để bán khách hàng tự doanh.

Năm 2022, do kiểm soát tốt dịch COVID-19 nên việc phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trên phạm vi cả nước đạt kết quả tích cực, đẩy nhu cầu tiêu thụ than trong nước lên mức rất cao so với các năm, TKV đánh giá năm 2022 là năm các chỉ tiêu tổng hợp của Tập đoàn đạt mức cao kỷ lục kể từ khi thành lập Tập đoàn đến nay. Đối

với TMB, năm 2022 cũng là một năm thành công trong các mặt hoạt động SXKD, các chỉ tiêu về sản lượng tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách Nhà nước và tiền lương bình quân người lao động đều hoàn thành vượt mức kế hoạch của TKV giao và tăng trưởng vượt bậc so với các năm trước, có được những kết quả trên là do TMB nhận được sự quan tâm chỉ đạo của các đồng chí lãnh đạo Tập đoàn, sự giúp đỡ và phối hợp của các Ban chuyên môn trong các giải pháp điều hành, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động SXKD và phân bổ điều tiết các nguồn than nhập khẩu đưa về pha trộn chế biến cung cấp cho các nhà máy nhiệt điện, bên cạnh đó là do TMB đã chủ động sớm triển khai các nhiệm vụ kế hoạch PHKD năm 2022 được TKV giao, dưới sự lãnh đạo của BCH Đảng bộ và Hội đồng quản trị Công ty, các giải pháp điều hành đồng bộ linh hoạt của Ban lãnh đạo và bộ máy điều hành Công ty, TMB đã chủ động, linh hoạt xây dựng phương án, kịch bản sản xuất, kinh doanh tháng, quý phù hợp tình hình thực tế, bảo đảm an toàn và hiệu quả.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện 12 tháng 2022	% TH so KH năm 2022
A	B	C	2	3	5
1	Các chỉ tiêu hiện vật				
a	Than mua vào	Tấn		10.372.356	
b	Than bán ra	Tấn	8.325.000	9.837.831	118%
	Trong đó: Than tự doanh	Tấn	2.000.000	2.954.599	148%
	Than giao lại TKV và Hộ lớn	Tấn	6.325.000	6.883.232	109%
2	Doanh thu tổng số:	Tr. đồng	14.850.701	24.839.014	167%
3	Giá trị sản xuất tính lương	"	416.299	625.247	150%
4	Tổng lợi nhuận:	"	60.000	243.842	406%
5	Cổ tức	%	10,00	10,00	100%
6	Thu nhập bình quân	đ/người/tháng	13.715.000	18.662.778	136%

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*

Với sự chỉ đạo điều hành của Ban lãnh đạo và các phòng ban chuyên môn của Công ty, cùng với sự quyết tâm, chủ động sáng tạo của các đơn vị trực thuộc, kết thúc năm 2022 TMB đã hoàn thành vượt kế hoạch các chỉ tiêu chủ yếu đề ra, an toàn về tài chính và ổn định thu nhập cho người lao động.

Công ty đã cố gắng thực hiện năm 2022 với các chỉ tiêu cụ thể như sau: GTSX đạt 108% kế hoạch năm, GTSX tính lương đạt 150% kế hoạch năm. Lợi nhuận đạt 243.842 triệu đồng đạt 406% kế hoạch năm, thu nhập bình quân tiền lương trích vào chi phí sản xuất trong kỳ đạt 18.663 nghìn đồng/người/tháng. Hàng tồn kho tăng so

với đầu năm 1.241.191 triệu đồng, các khoản phải thu ngắn hạn tăng 20.645 triệu đồng, nợ phải trả tăng 1.091.843 triệu đồng.

Công ty đã đẩy mạnh sản lượng, cố gắng tiết giảm chi phí và đã hoàn thành và vượt 406% kế hoạch ở chỉ tiêu lợi nhuận và đạt 136% ở chỉ tiêu tiền lương bình quân cho các cán bộ, công nhân viên.

2. Tình hình tài chính/ Financial Situation

a) Tình hình tài sản/ Assets

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of the asset, changes in assets (analysis, assessment of the efficiency of assets usage, bad liabilities, bad assets that affect business results).*

Biến động về tài sản, nguồn vốn năm 2022:

Khả năng thanh toán và hiệu quả sử dụng vốn:

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year 2021	Năm/Year 2022	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i> + Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i>: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>) + Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i>: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u>Short term Asset - Inventories</u> <u>Short term Debt</u>	1,26 0,22	1,20 0,10	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i> + Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>) + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)	0,71 3,74	0,80 8,56	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ <i>Operation capability Ratio</i> + Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i>:			

Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)	9,79	13,32	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/ Total Assets</i>)	10,84	10,95	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ <i>Target on Profitability</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)	0,60%	0,78%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)	34,04%	91,69%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)	6,49%	8,58%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)	0,77%	0,87%	
.....			

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/*For credit*

b) Tình hình nợ phải trả/ *Liabilities*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

Theo bảng biến động tài sản thì nợ phải trả giảm 1.593.361 triệu đồng; Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty đã tập trung làm tốt việc rút giảm hàng tồn kho, thu hồi công nợ để trả nợ.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results.*

Công ty không có nợ phải trả xấu, không có chênh lệch tỷ giá và chênh lệch lãi vay.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ *Improvements in organizational structure, policies, management.*

Trong năm Công ty đổi mới về chính sách sản phẩm: Kinh doanh không phải là gì bán lấy, mà coi than mua từ Tập đoàn TKV mới chỉ là sản phẩm thô, còn sản phẩm bán cho khách hàng phải là sản phẩm “tinh”, đặc thù đã trải qua quá trình chế biến lại,

đảm bảo tiết kiệm, an toàn, hiệu quả và phù hợp với công nghệ của từng khách hàng.

Do đó Công ty đã tập trung sáng kiến các phương pháp chế biến để tạo ra những sản phẩm đặc thù cho từng khách hàng để đảm bảo khách hàng sử dụng tiết kiệm than hơn, giá thành rẻ hơn, đồng thời hiệu quả trên 1 tấn than bán ra của Công ty cũng được tăng lên, góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả SXKD.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future:

Sở hữu một kênh phân phối, một mạng lưới các kho than bám sát khách hàng là một tài sản sinh lời quan trọng bậc nhất của Công ty. Mạng lưới này cho phép Công ty đáp ứng nhu cầu than kịp thời mọi lúc, mọi nơi cho khách hàng, làm cho khách hàng cảm thấy mạng lưới này như chính là kho than dự trữ thường xuyên của mình.

Do đó trong những năm tiếp theo Công ty phải tập trung tái cơ cấu mạng lưới bán than như sau:

- Tập trung đầu tư và hợp tác đầu tư mở rộng mạng lưới các kho than để bám sát khách hàng, đặc biệt là các khách hàng trọng điểm.
- Mua lại các kho than trọng điểm đang đi thuê và hợp tác đầu tư lâu dài với chủ các kho than để đảm bảo tính ổn định lâu dài về địa điểm bán than trong tương lai.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).

- Báo cáo Tài chính của Công ty đã được Kiểm toán chấp nhận toàn phần.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ Assessment Report related to environmental and social responsibility of company

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ *Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).*

- Công ty là đơn vị kinh doanh nên mức tiêu thụ năng lượng, nước, phát thải rất thấp như đã báo ở trên, vì vậy mức tác động đến các chỉ tiêu môi trường là gần như không đáng kể.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ *Review concerning the problems of workers*

- Công ty đã thực tốt mọi chế độ đối với người lao động, tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật về lao động, trong năm chưa có khiếu nại nào của người lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ *Review concerning corporate responsibility towards the local community*

- Mức độ đóng góp của doanh nghiệp đến địa phương còn hạn chế, chủ yếu mới dừng lại ở các khoản đóng góp nhỏ dưới 10 triệu đồng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

- Năm 2022, HĐQT Công ty đã tập trung lãnh đạo thực hiện tốt các mục tiêu chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2022 thông qua, tổ chức triển khai thực hiện tốt trên các lĩnh vực quản lý, điều hành sản xuất nên đã tạo ra sự ổn định, đồng bộ trong SXKD, phù hợp với thực tiễn. Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc, các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc tập trung vào các lĩnh vực quan trọng, khai thác mọi nguồn lực, đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch đề ra. Vì vậy, tình hình SXKD, tiêu thụ than của Công ty vẫn giữ được thể ổn định, các chỉ tiêu chính đạt kế hoạch đề ra.

- Kết quả hoạt động SXKD của Công ty năm 2022 cụ thể như sau:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022	Thực hiện 12 tháng 2022	% TH so KH năm 2022
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>5</i>
1	Các chỉ tiêu hiện vật				
a	Than mua vào	Tấn		10.372.356	
b	Than bán ra	Tấn	8.325.000	9.837.831	118%
	Trong đó: Than tự doanh	Tấn	2.000.000	2.954.599	148%
	Than giao lại TKV	Tấn	6.325.000	6.883.232	109%
2	Doanh thu tổng số	Triệu đồng	14.850.701	24.839.014	167%
3	Giá trị sản xuất tính lương	Triệu đồng	416.299	625.247	150%
4	Tổng lợi nhuận:	Triệu đồng	60.000	243.842	406%
5	Đầu tư XDCB	Triệu đồng	7.851	7.181	91%
6	Cổ tức	%	10,00	10,00	100%
7	Thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng	13.715.000	18.662.778	151%

* Tình hình tài chính của Công ty:

Tình hình tài chính của Công ty nói chung lành mạnh, cụ thể:

- Tổng số vốn chủ sở hữu cuối năm: 450,528 tỷ đồng, bằng 300% vốn điều lệ.
- Hệ số bảo toàn và phát triển vốn của Công ty năm 2022 thực hiện 1,55 lần so với cùng kỳ năm 2021. Hệ số > 1, cho thấy Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ: 130%.

* Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản:

Giá trị thực hiện kế hoạch đầu tư XDCB năm 2022 là 7,181 tỷ đồng, đạt 91,46% kế hoạch, vì một số dự án chưa hoàn thành và quyết toán trong năm 2022.

Các dự án dở dang và chưa triển khai được, Công ty đã có báo cáo TKV và được chấp thuận tiếp tục tổ chức thực hiện trong năm 2023.

* Đánh giá kết quả SXKD của Công ty năm 2022:

Năm qua, Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch chính (giá trị sản xuất; các chỉ tiêu lợi nhuận và thu nhập bình quân phải điều chỉnh). Đạt được kết quả trên là do Công ty đã nhận thức được khó khăn, biết chủ động khai thác những thế mạnh, phát huy tính tích cực, năng động trong kinh doanh và truyền thống của đơn vị, điều hành tiêu thụ hợp lý, hiệu quả, nhất là thực hiện hiệu quả công tác chế biến than.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance*

Qua quá trình giám sát, HĐQT nhận thấy Ban giám đốc triển khai có hiệu quả các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, kịp thời thông tin báo cáo và điều chỉnh tiến trình thực hiện kế hoạch SXKD phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường và yêu cầu của HĐQT. Tổng giám đốc và bộ máy quản lý đã góp phần đáng kể vào kết quả kinh doanh đạt kế hoạch của Công ty năm 2022.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors*

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2023. Đề xuất trình Đại hội các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- Đảm bảo hoạt động của Công ty ổn định; chỉ đạo triển khai thực hiện đúng và đầy đủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

- Giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo chấn chỉnh các hoạt động của Công ty và các đơn vị trực thuộc, nhằm đảm bảo SXKD của Công ty an toàn có hiệu quả, chánh rủi ro, bảo toàn và phát triển vốn.

- Tổ chức các phiên họp thường kỳ để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Tổ chức các cuộc họp bất thường để xử lý các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Tăng cường quan hệ với cổ đông nhằm cung cấp thông tin tới công chúng một cách nhanh chóng, kịp thời và minh bạch; bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông.

V. Quản trị công ty/Corporate governance (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/*Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section*).

1. *Hội đồng quản trị/ Board of Directors*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ *(list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies)*).

Danh sách Hội đồng quản trị:

- Phạm Tuấn Ngọc – Chủ tịch HĐQT, người đại diện vốn của Tập đoàn Công nghiệp than – khoáng sản Việt Nam (TKV) tại Công ty, số cổ phần đại diện: 10.116.000 cổ phần, chiếm 67,44%.

- Ngô Quang Trung – Ủy viên kiêm Tổng Giám đốc, số cổ phần sở hữu 3.582 cổ phần, chiếm 0,016%.

- Nguyễn Minh Hải – Ủy viên kiêm phó Tổng Giám đốc, số cổ phần sở hữu 12.372 cổ phần, chiếm 0,08%.

- Phạm Ngọc Bảo – Ủy viên kiêm Giám đốc vùng, số cổ phần sở hữu 7.524 cổ phần, chiếm 0,05%, tham gia HĐQT từ 26/4/2022

- Đinh Công Nga – Ủy viên HĐQT độc lập tham gia từ 26/4/2022

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

HĐQT Công ty chỉ đạo tập thể tất cả các hoạt động, không phân chia thành các tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Năm 2022, HĐQT Công ty đã tập trung lãnh đạo thực hiện tốt các mục tiêu chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2022 thông qua, tổ chức triển khai thực hiện tốt trên các lĩnh vực quản lý, điều hành sản xuất nên đã tạo ra sự ổn định, đồng bộ trong SXKD, phù hợp với thực tiễn.

- HĐQT đã tổ chức họp định kỳ cũng như bất thường để thông qua các vấn đề cơ bản, định hướng cho hoạt động của Công ty, đảm bảo kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh đến các mặt hoạt động SXKD. Các cuộc họp có chương trình cụ thể, đảm bảo số lượng thành viên dự họp và thủ tục biểu quyết theo luật định. Tổ chức thực hiện tốt công tác giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý.

HĐQT đã tổ chức họp để thông qua các vấn đề cơ bản, định hướng cho hoạt động của Công ty, đảm bảo kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh; 12 tháng năm 2022 Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp và ban hành nghị quyết về công tác tổ chức sản xuất, công tác tài chính, Công tác đầu tư xây dựng, Công tác tổ chức cán bộ, lao động tiền lương và về các lĩnh vực khác. 12 tháng năm 2022 Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức họp và thông qua 34 nghị quyết cụ thể như sau:

DANH MỤC CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC -VINACOMIN*Đến ngày 31 tháng 12 năm 2022*

Stt	Nội dung	Ngày họp	Ghi chú
I	Tổ chức SXKD, Tài chính		
1	Chuẩn bị Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin năm 2022	10/3/2022 (15h00)	01 buổi
2	Đánh giá hoạt động SXKD quý 1 năm 2022 và xây dựng kế hoạch SXKD quý 2 năm 2022.	01/4/2022 (14h00)	01 buổi
3	- Quyết toán tiền thù lao đối với thành viên kiêm nhiệm HĐQT, BKS, Thư ký Công ty năm 2021; - Thanh toán tiền thưởng cho Viên chức quản lý Công ty năm 2021	11/5/2022 (09h30)	01 buổi
4	Phê duyệt Quỹ tiền lương hạch toán vào chi phí SXKD năm 2021 của Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin	11/5/2022 (14h00)	01 buổi
5	Chi trả cổ tức bằng tiền năm 2021 cho các cổ đông của Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin.	03/6/2022 (14h00)	01 buổi
6	Đánh giá hoạt động SXKD quý 2 năm 2022 và xây dựng kế hoạch SXKD quý 3 năm 2022.	01/7/2022 (14h00)	01 buổi
7	Đánh giá hoạt động SXKD quý 3 năm 2022 và xây dựng kế hoạch SXKD quý 4 năm 2022.	30/9/2022 (14h00)	01 buổi
8	Đánh giá hoạt động SXKD quý 4 năm 2022; Tạm giao các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch SXKD năm 2023 và xây dựng kế hoạch SXKD quý I năm 2023.	30/12/2022 (14h00)	01 buổi
II	Đầu tư, xây dựng		
1	Phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2022 của Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin	05/01/2022 (14h00)	01 buổi
2	Thông qua kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2023 của Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin để trình TKV	13/9/2022 (16h00)	01 buổi
3	Thông qua phương án “Sắp xếp lại, xử lý nhà, đất tại trụ sở văn phòng Công ty kinh doanh than Hà Nội – Chi nhánh Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin” trình TKV	29/9/2022 (14h00)	01 buổi
4	Phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2022 điều chỉnh của Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin	10/10/2022 (14h00)	01 buổi
5	Thông qua điều chỉnh quy mô dự án “Đầu tư xây dựng bến cảng xuất nhập hàng hóa và bãi tập kết than mỏ” tại xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.	04/11/2022 (10h00)	01 buổi
III	Tổ chức cán bộ, lao động tiền lương		
1	Điều động, bổ nhiệm và giao nhiệm vụ cho Ông Nguyễn Quang Huy Phó phòng Kinh doanh Công ty giữ chức vụ Phó giám đốc Chi nhánh Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc –Vinacomin tại Quảng Ninh, nhiệm kỳ 5 năm kể từ ngày 04/02/2022.	04/02/2022 (10h30)	01 buổi

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 5 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

2	Bầu cử Chủ tịch HĐQT Công ty CPKD than Miền Bắc – Vinacomin nhiệm kỳ IV (2022-2027): - Bầu Ông Phạm Tuấn Ngọc – Thành viên HĐQT giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin	26/4/2022 (11h00)	01 buổi
3	Bổ nhiệm lại Ông Vũ Huy Phương tiếp tục giữ chức vụ Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty, nhiệm kỳ 05 năm kể từ ngày 06/5/2022	06/5/2022 (09h00)	01 buổi
4	Cho ý kiến Phương án nhân sự bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Chi nhánh Công ty CPKD than Miền Bắc – Vinacomin tại Quảng Ninh	09/6/2022 (15h30)	01 buổi
5	Bổ nhiệm Ông Nguyễn Quang Huy Phó giám đốc Chi nhánh Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc –Vinacomin tại Quảng Ninh, giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc –Vinacomin tại Quảng Ninh nhiệm kỳ 5 năm kể từ ngày 01/7/2022.	16/6/2022 (16h05)	01 buổi
6	Cho thôi chức vụ Phó tổng giám đốc Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc –Vinacomin đối với Ông Nguyễn Anh Toán kể từ ngày 31/7/2022.	25/7/2022 (15h50)	01 buổi
7	Cho ý kiến Phương án nhân sự điều động, bổ nhiệm nhân sự thay thế Giám đốc Công ty Kinh doanh than Thanh Hóa và nhân sự Xí nghiệp Kinh doanh than Cầu Đuống.	26/7/2022 (09h15)	01 buổi
8	Điều động và bổ nhiệm Ông Vũ Văn Mạnh Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh than Cầu Đuống giữ chức vụ Giám đốc Công ty Kinh doanh than Thanh Hóa nhiệm kỳ 5 năm kể từ ngày 01/8/2022; Giao cho Ông Đoàn Duy Ninh Phó Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh than Cầu Đuống, thực hiện nhiệm vụ Quyền Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh than Cầu Đuống kể từ ngày 01/8/2022.	26/7/2022 (14h10)	01 buổi
9	Cho ý kiến Phương án nhân sự điều động, bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Vùng của Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin và giao nhiệm vụ Quyền Giám đốc Công ty Kinh doanh than Thanh Hóa.	24/8/2022 (14h15)	01 buổi
10	Điều động và bổ nhiệm Ông Vũ Văn Mạnh thôi Giám đốc Công ty Kinh doanh than Thanh Hóa để giữ chức vụ Giám đốc vùng nhiệm kỳ 5 năm kể từ ngày 01/9/2022; Giao cho Ông Đỗ Cao Quảng Phó Giám đốc Công ty Kinh doanh than Thanh Hóa, thực hiện nhiệm vụ Quyền Giám đốc Công ty Kinh doanh than Thanh Hóa kể từ ngày 01/9/2022.	26/8/2022 (16h10)	01 buổi
11	Xếp lương cho Chủ tịch Công đoàn chuyên trách của Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin từ 01/11/2022.	09/11/2022 (16h30)	01 buổi

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 5 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

12	Bổ nhiệm lại Ông Đỗ Chí Trung tiếp tục giữ chức vụ Giám đốc Công ty Kinh doanh than Hải Phòng nhiệm kỳ 5 năm kể từ ngày 01/12/2022.	24/11/2022 (13h05)	01 buổi
13	Cho ý kiến về việc đồng ý để Ông Phạm Văn Hào được nghỉ hưu trước tuổi theo nguyện vọng cá nhân.	12/12/2022 (15h30)	01 buổi
14	Đồng ý cho Ông Phạm Văn Hào – Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin được nghỉ hưu trước tuổi theo nguyện vọng cá nhân theo Công văn số 5921/TKV-TCNS ngày 27/12/2022 của TKV).	28/12/2022 (09h30)	01 buổi
IV	Lĩnh vực khác		
1	Thông qua việc ủy quyền cho Tổng giám đốc Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin được quyết định, trực tiếp ký kết hoặc ủy quyền cho Phó tổng giám đốc ký kết các Hợp đồng vay vốn, Hợp đồng bảo lãnh, Hợp đồng phát hành thư tín dụng, Hợp đồng bảo đảm, Giấy nhận nợ và các hồ sơ tín dụng khác có liên quan với các ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác để phục vụ SXKD của Công ty kể từ ngày 26/4/2022 đến hết 31/12/2022.	29/4/2022 (14h00)	01 buổi
2	Phân công nhiệm vụ của các thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin kể từ ngày 06/5/2022	06/5/2022 (10h00)	01 buổi
3	Thông qua Quy chế quản lý tài chính trong Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin	10/5/2022 (14h00)	01 buổi
4	Đồng ý cử Ông Ngô Quang Trung – Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin tham gia Đoàn công tác của TKV đi Indonesia	13/9/2022 (15h00)	
5	Thông qua việc ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương của Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin kể từ 01/7/2022	25/10/2022 (08h30)	01 buổi
6	Đồng ý cử Ông Ngô Quang Trung – Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin tham dự Hội nghị Carbon tại Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE)	28/10/2022 (09h00)	01 buổi
7	Thông qua phương án chuyển xếp lương đối với Người quản lý và Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin theo Hệ thống thang lương, bảng lương ban hành tại Quyết định số 1542/QĐ-HĐQT ngày 25/10/2022	25/11/2022 (08h30)	01 buổi

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

- Thực hiện các nhiệm vụ của thành viên HĐQT được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành của Pháp luật, các quy định của TKV và Công ty.

- Chủ trì giúp HĐQT thực hiện giám sát, quản lý, bao gồm nhưng không giới hạn các lĩnh vực:

+ Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp ý kiến vào việc xây dựng phương hướng phát triển, hoạt động kinh doanh của Công ty.

+ Công tác kiểm soát nội bộ, pháp chế.

+ Lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT trình trước Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty hàng năm.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do HĐQT phân công.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

Các thành viên HĐQT, BKS và Ban điều hành Công ty đã tham gia các khóa đào tạo của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

- Đặng Thị Hải Hà – Trưởng Ban, số cổ phần sở hữu 11.916 cổ phần, chiếm 0,079%.

- Cao Thị Nhung - Ủy viên, số cổ phần sở hữu 1.200 cổ phần, chiếm 0,008%.

- Bùi Thị Phương Thảo – Ủy viên, số cổ phần sở hữu 1.200 cổ phần, chiếm 0,008%.

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Hoạt động của Ban kiểm soát căn cứ vào kế hoạch năm để triển khai, đầu năm 2022 Ban kiểm soát đã chủ động xây dựng kế hoạch kiểm soát năm và thực hiện hoàn thành tốt chương trình kiểm tra giám sát đã đề ra.

- Hàng tháng Ban Kiểm soát làm việc tại Công ty, đã thực hiện công tác giám sát công tác điều hành của HĐQT, Ban lãnh đạo điều hành Công ty. Kiểm tra, kiểm soát quản trị chi phí, công nợ, phân tích tuổi nợ hàng tồn kho, tình hình huy động và sử dụng vốn của Công ty, công tác lao động tiền lương, kiểm tra báo cáo tài chính của Công ty và các đơn vị trực thuộc, công tác kế toán văn phòng Công ty.

- Hàng Quý, 6 tháng, 9 tháng, năm Ban kiểm soát thực hiện việc thẩm định báo cáo tài chính của Công ty, lập biên bản kiểm tra giám sát hoạt động của HĐQT, Ban lãnh đạo điều hành về các mặt như văn bản quy chế quy định, thực hiện kế hoạch SXKD, công tác tài chính kế toán, tổ chức cán bộ, lao động tiền lương, đầu tư xây dựng cơ bản, công tác thanh kiểm tra, kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

- Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, kiểm soát các đơn vị trực thuộc, do địa bàn hoạt động của Công ty trải dài các tỉnh phía nên các nội dung kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát thường được lồng ghép các nội dung chuyên đề, phối hợp kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán. Các cuộc kiểm tra, kiểm soát, giám sát, tập trung vào các nội dung như:

+ Xem xét báo cáo tài chính, công nợ phải thu, kiểm tra chọn mẫu chứng từ thanh toán, thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước;

+ Kiểm tra chọn mẫu chứng từ mua bán than, hồ sơ pha trộn chế biến than, kiểm tra chọn mẫu hồ sơ đấu thầu, Kiểm tra các hồ sơ đầu tư xây dựng cơ bản kiểm tra chọn mẫu các hợp đồng kinh tế và việc thực hiện hợp đồng;

+ Kiểm tra việc luân chuyển chứng từ từ trạm về công ty, kiểm tra chọn mẫu các sổ sách chứng từ tại các trạm.

+ Kiểm tra chọn mẫu công tác tuyển dụng, quản lý lao động, thực hiện quy chế tiền lương, giải quyết các chế độ chính sách đối với người lao động;

Từ đó Ban kiểm soát đã đưa ra những kiến nghị cụ thể đối với Công ty và các đơn vị trực thuộc.

- Ban kiểm soát đã thực hiện tốt công tác giám sát Công ty Kiểm toán độc lập về việc kiểm toán báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022 và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 tại các đơn vị trực thuộc và văn phòng Công ty.

- Ban kiểm soát đã thực hiện tốt công tác giám sát Công ty kiểm toán độc lập, Công ty CPKD than Miền Bắc – Vinacomin và các đơn vị trực thuộc về công tác kiểm kê 6 tháng và năm 2022.

- Thực hiện tốt các báo cáo theo đúng nội dung, thời gian quy định của TKV. Thực hiện tốt việc thẩm định báo cáo tài chính quý, 6 tháng, 9 tháng, năm, các báo cáo phục vụ Đại hội đồng cổ đông.

- Trong năm 2022 hoạt động của Ban kiểm soát có nhiều khó khăn do lực lượng Ban kiểm soát mỏng, có ba thành viên trong đó hai thành viên Ban kiểm soát hoạt động kiêm nhiệm, các thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm ngoài thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát còn phải thực hiện nhiệm vụ tại các phòng. Địa bàn hoạt động của Công ty rộng có nhiều chi nhánh đơn vị trực thuộc, các trạm cửa hàng trải dài khắp các tỉnh Miền Bắc; Quy mô và sản lượng của Công ty ngày càng lớn, sản lượng than mua bán, pha trộn chế biến than nhiều, hồ sơ đấu thầu các dịch vụ thuê ngoài nhiều, việc thực hiện vay ngân hàng giải ngân diễn ra thường xuyên nên khối lượng công việc kiểm tra giám sát lớn, số ngày kiểm tra tại các đơn vị trực thuộc ngắn trong khi đó lượng soát xét chứng từ sổ sách lớn nên Ban kiểm soát không thể kiểm tra 100% chứng từ được mà chỉ thực hiện theo phương pháp chọn mẫu nên phát hiện các sai sót nằm trong các mẫu đã chọn (tuy nhiên việc thực hiện theo phương pháp chọn mẫu phù hợp đúng quy định).

- Thường xuyên học hỏi để nâng cao năng lực chuyên môn, trau dồi kiến thức về quản lý tài chính, pháp luật để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

- Trong năm 2022 Ban Kiểm soát đã được Ban lãnh đạo điều hành Công ty, các đơn vị trực thuộc tạo điều kiện giúp đỡ.

- Năm 2022, Ban Kiểm soát thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ, quyền hạn của mình, bám sát thực tiễn kinh doanh, kiểm tra phát hiện các sai sót, nhằm uốn nắn kịp thời khi có sai phạm. Thực hiện hoàn thành tốt kế hoạch kế hoạch kiểm tra, kiểm soát đã đề ra. Phối kết hợp với Ban lãnh đạo điều hành Công ty, các phòng nghiệp vụ Công ty, Kiểm toán nội bộ Công ty và Công ty kiểm toán độc lập trong công tác kiểm tra kiểm soát Công ty và các đơn vị trực thuộc. Trong quá trình kiểm tra kiểm soát đã kịp

thời phát hiện những sai sót từ đó góp phần hoàn thiện, khắc phục trong những tháng tiếp theo. Hết năm 2022 Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, kinh doanh có lãi, đời sống cán bộ công nhân viên được ổn định, Công ty bảo toàn được vốn. Năm 2022 Ban kiểm soát đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trước các Cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ *Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/ *Salary, rewards, remuneration and benefits*: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/ *Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently*).

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ *Transactions of internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/ *Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons*).

- Công ty không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders*: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/ *Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights*.

- Công ty không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/ *Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance*).

- Hầu hết các quy định về quản trị Công ty tại thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính Công ty đã chấp hành nghiêm chỉnh, tuy nhiên còn một số nội dung chưa thực hiện được:

- + Chưa thành lập các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
- + Chưa tham gia các lớp đào tạo về quản trị Công ty cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc.

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions

Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam và được chấp nhận toàn phần, cụ thể ý kiến của kiểm toán viên như sau:

“Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin và được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp”.

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/*Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided*).

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Mẫu số B 01a - DN

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2022	01/01/2022
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.174.861.096.271	916.484.634.949
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	39.961.006.038	13.808.769.751
Tiền	111		39.961.006.038	13.808.769.751
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		124.132.936.937	103.487.748.283
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	99.858.301.265	101.807.625.122

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 5 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	251.226.176	928.587.986
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	27.043.387.933	3.771.513.612
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(3.019.978.437)	(3.019.978.437)
Hàng tồn kho	140	5.6	2.000.990.471.479	759.799.109.539
Hàng tồn kho	141		2.000.990.471.479	759.799.109.539
Tài sản ngắn hạn khác	150		9.776.681.817	39.389.007.376
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	1.815.595.500	2.286.513.181
Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.894.892.148	35.391.564.060
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	2.066.194.169	1.710.930.135
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		93.953.076.237	100.518.313.683
Tài sản cố định	220		83.120.331.621	83.573.225.246
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	42.865.027.941	41.288.383.668
- Nguyên giá	222		177.634.498.369	173.145.331.004
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(134.769.470.428)	(131.856.947.336)
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	40.255.303.680	42.284.841.578
- Nguyên giá	228		50.526.998.663	50.502.970.885
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.271.694.983)	(8.218.129.307)
Tài sản dở dang dài hạn	240		389.897.658	478.384.755
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	389.897.658	478.384.755
Tài sản dài hạn khác	260		10.442.846.958	16.466.703.682
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	10.442.846.958	16.466.703.682
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.268.814.172.508	1.017.002.948.632

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 5 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)**Mẫu số B 01a****- DN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2022	01/01/2022
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.818.286.491.001	726.443.119.924
Nợ ngắn hạn	310		1.818.286.491.001	726.443.119.924
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	683.911.651.580	211.394.249.912
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	82.584.739.021	35.574.210.709
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	50.672.735.435	12.338.341.604
Phải trả người lao động	314		34.384.709.235	20.796.549.779
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	5.775.503.707	673.353.983
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	947.374.259.852	8.350.944.672
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	424.000.000.000
Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		13.582.892.171	13.315.469.265
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		450.527.681.507	290.559.828.708
Vốn chủ sở hữu	410	5.16	450.527.681.507	290.559.828.708
Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		8.021.322.760	9.411.362.714
Quỹ đầu tư phát triển	418		54.340.784.416	34.612.900.327
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		238.165.574.331	96.535.565.667
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		43.450.298.192	30.487.916.406
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		194.715.276.139	66.047.649.261
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.268.814.172.508	1.017.002.948.632

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 5 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Mẫu số B 02a - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	24.839.013.750.432	11.028.902.229.337
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	6.1	24.839.013.750.432	11.028.902.229.337
Giá vốn hàng bán	11	6.2	23.820.929.616.856	10.384.766.159.157
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		1.018.084.133.576	644.136.070.180
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	92.606.810.992	92.289.603
Chi phí hoạt động tài chính	22	6.4	169.898.113.298	34.959.598.920
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>54.660.355.556</i>	<i>30.054.263.825</i>
Chi phí bán hàng	25	6.5	656.372.541.241	490.760.833.156
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	67.173.209.253	34.044.411.644
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		217.247.080.776	84.463.516.063
Thu nhập khác	31	6.6	27.593.589.830	7.344.481.213
Chi phí khác	32	6.7	998.687.703	7.519.835.115
Lợi nhuận khác	40		26.594.902.127	(175.353.902)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		243.841.982.903	84.288.162.161
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	49.126.706.764	18.240.512.900
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		194.715.276.139	66.047.649.261
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	12.981,02	4.403,18